



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Vẽ kỹ thuật cơ bản (07114) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07CD (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 12/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi PV327

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07153001	TRẦN BÌNH	14/10/89			4	bốn
2	07153002	ĐĂNG MINH	01/01/89			7	bảy
3	07153003	NGUYỄN QUỐC THÀNH	10/02/89			5	năm
4	07153004	NGUYỄN CẢNH	27/09/88			3	ba
5	07153050	HỒ CHÍ	05/06/87			5	năm
6	07153005	TRƯƠNG VĂN	10/11/88			7	bảy
7	07153006	NGUYỄN HỮU	19/03/89			7	bảy
8	07153008	CAO VĂN TUẤN	10/12/89			7	bảy
9	07153007	LÊ ANH	21/05/89		✓		
10	07153052	TRẦN QUANG	13/09/87			6	sáu
11	07153009	NGUYỄN HẢI	16/05/89			5	năm
12	07153010	NGUYỄN TIẾN	16/10/89			8	tám
13	07153053	NGUYỄN VĂN	01/03/89			6	sáu
14	07153011	HÀ TẤN	13/10/89			6	sáu
15	07153012	ĐỖ NGUYỄN	11/03/88			7	bảy
16	07153013	PHẠM TRƯỞNG	10/06/89			6	sáu
17	07153054	TRẦN HẢI	08/07/89			5	năm
18	07153014	HOÀNG THẠCH	03/06/89			5	năm
19	07153055	BÙI CHÍ	23/10/87			6	sáu
20	07153016	NGUYỄN TRUNG	17/02/89			6	sáu
21	07153056	PHẠM DỨC	01/08/89			4	bốn
22	07153057	CẢNH CHÍ	05/08/89			4	bốn
23	07153017	PHAN THIÊN	15/03/89			7	bảy
24	07153058	TRẦN VŨ	09/01/88			4	bốn
25	07153018	LÊ TRƯƠNG NAM	15/06/89			6	sáu
26	07153019	NGUYỄN VĂN	19/02/87			5	năm
27	07153020	NGUYỄN BẢO	30/10/89			8	tám
28	07153021	TRẦN QUANG	05/03/88			5	năm
29	07153022	NGUYỄN QUỐC	11/12/89			2	hai
30	07153061	PHẠM HOÀNG	04/05/89			5	năm
31	07153062	PHẠM QUANG	26/03/88			7	bảy
32	07153023	PHẠM VĂN	04/05/87			5	năm
33	07153024	DƯƠNG NGỌC THÁNH Q	01/11/89			6	sáu
34	07153063	PHẠM NGỌC	19/09/89			4	bốn
35	07153064	NGUYỄN VĂN	25/02/82			3	ba
36	07153065	NGÔ TIẾN	31/05/87			7	bảy

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Vẽ kỹ thuật cơ bản (07114) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07CD (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thứ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07153025	ĐỖ HOÀNG	NGHIÊM	26/09/89		✓	
38	07153066	ĐINH HỮU	NHÂN	06/07/89	<i>Che</i>	6	Sáu
39	07153026	NGUYỄN ANH	NHIÊN	11/10/87	<i>Anh</i>	6	Sáu
40	07153028	NGUYỄN TẤN	PHÁT	02/08/89	<i>Tat</i>	5	Năm
41	07153027	PHẠM ĐÌNH	PHÁT	02/12/89	<i>Ph</i>	6	Sáu
42	07153029	LÝ VĂN	PHẦN	05/11/88	<i>Ph</i>	4	Bốn
43	07153067	TRƯƠNG QUANG	PHÚ	06/11/88	<i>Phu</i>	2	Hai
44	07153068	LÊ NGỌC	PHƯƠNG	11/11/89	<i>Phu</i>	3	Ba
45	07153030	NGUYỄN MINH	PHƯƠNG	20/09/89	<i>Phu</i>	8	Tám
46	07153031	LƯU HẢI	QUANG	14/05/89	<i>Phu</i>	6	Sáu
47	07153033	NG HOÀNG PHƯƠNG	QUANG	08/08/88	<i>Phu</i>	7	Bảy
48	07153032	PHAN DUY NHẬT	QUANG	09/10/89	<i>Phu</i>	5	Năm
49	07153070	NGUYỄN VĂN	QUÝ	08/08/87		✓	
50	07153071	NGUYỄN VĂN	QUYẾT	23/12/88	<i>Quy</i>	6	Sáu
51	07153034	TRẦN THANH	SÁNG	15/10/88	<i>Quy</i>	6	Sáu
52	07153048	K'	SÔI	31/12/86	<i>Quy</i>	2	Hai
53	07153073	NGUYỄN ĐỨC	TÀI	27/10/89	<i>Quy</i>	8	Tám
54	07153075	TRỊNH ĐÌNH	THANH	10/05/89	<i>Quy</i>	7	Bảy
55	07153077	VÕ VĂN	THỊN	04/09/89	<i>Quy</i>	7	Bảy
56	07153035	NGUYỄN VĂN	THỪA	17/09/87	<i>Quy</i>	8	Tám
57	07153036	NGUYỄN THÀNH	TÍN	15/06/89	<i>Quy</i>	7	Bảy
58	07153037	LÊ ĐÔNG SONG	TOÀN	23/10/89	<i>Quy</i>	7	Bảy
59	07153038	NGUYỄN THANH	TÔNG	04/03/89	<i>Quy</i>	8	Tám
60	07153039	TRẦN VĂN	TỐT	07/05/88	<i>Quy</i>	5	Năm
61	07153040	NGUYỄN MINH	TRÍ	01/04/89	<i>Quy</i>	5	Năm
62	07153041	MAI XUÂN	TRIỀU	08/10/89	<i>Quy</i>	5	Năm
63	07153042	NGUYỄN BÌNH	TRỌNG	23/10/89	<i>Quy</i>	5	Năm
64	07153043	TRẦN THÀNH	TUÂN	07/01/89	<i>Quy</i>	7	Bảy
65	07153044	NGUYỄN THÀNH	TUẤN	23/05/89	<i>Quy</i>	5	Năm
66	07153045	TRỊNH THỂ	VĨNH	15/09/89	<i>Quy</i>	8	Tám
67	07153046	CHÂM RO	XÉT	08/07/87	<i>Quy</i>	3	Ba
68	07153047	NGUYỄN TRƯỜNG	XUÂN	22/03/89		✓	

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 64 Số bài: 64 Sở từ: 64

Ngày 12 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 _____

Cán bộ coi thi 2 ca

Xác nhận của bộ môn ms

Cán bộ chấm thi 1 phus

Cán bộ chấm thi 2 _____

Đỗ Hữu Toàn

Trần Thị Thanh

Hà Thị Thái Trang



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Vẽ kỹ thuật cơ bản (07114) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07TD (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 12/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi PV400

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07138001	PHẠM DUY AN	19/01/89			6	Sắc
2	07119008	DƯƠNG NGỌC QUỐC ANH	27/10/89			4	bờn
3	07138002	TRẦN VỸ ANH	07/05/85			6	Sắc
4	07138018	LÊ QUỐC CẢNH	15/12/89			3	ba
5	07138019	NGUYỄN THANH CẢNH	25/10/88			5	năm
6	07138003	LÊ HOÀNG CHÂU	26/10/89			5	năm
7	07138004	TRẦN CÔNG DANH	06/02/89			5	năm
8	07138020	HUỲNH CÔNG DÂN	01/02/89				Vàng
9	07138021	LÊ ANH DŨNG	02/09/88			2	hai
10	07138022	NGUYỄN ANH DŨNG	06/06/88			6	Sắc
11	07138005	TRƯƠNG VIỆT ĐỨC	28/02/89			6	Sắc
12	07138024	PHẠM ĐỨC HIỆP	15/08/89			7	ba
13	07138025	NGÔ TRÍ HIỆU	20/03/89			5	năm
14	07138026	NGUYỄN TRÍ HIỆU	22/04/89				Vàng
15	07138027	NGUYỄN THÁI HOÀNG	26/03/89			6	Sắc
16	07138006	NGUYỄN BÁ HÙNG	15/08/84			6	Sắc
17	07138031	NGUYỄN QUỐC KHÁI	20/01/89			8	Tấn
18	07138030	TRẦN QUANG KHÁI	10/11/88			7	ba
19	07138032	NGUYỄN VĂN THÀNH LINH	26/10/87			7	ba
20	07138033	NGUYỄN MINH LONG	18/09/88			5	năm
21	07138034	LÊ NGỌC MINH LỘC	01/01/89			3	ba
22	07138035	BÙI VĂN LỢI	03/03/85			5	năm
23	07138007	NGUYỄN VIỆT LUẬN	19/06/88			6	Sắc
24	07138036	BÙI CÔNG LỰC	26/02/86			3	ba
25	07138037	KIẾN NGỌC LÝ	20/11/87			5	năm
26	07138038	ĐÌNH VĂN MINH	08/02/89			5	năm
27	07138008	LƯƠNG HOÀNG MINH	18/02/89			5	năm
28	07138009	TRẦN HOÀI NAM	31/05/89			5	năm
29	07138039	NGUYỄN TUẤN NGUYỄN	07/09/89				Vàng
30	06138037	CAO VĂN PHONG	1 / 87			3	ba
31	07138040	CÙ NHẬT PHÚ	20/11/90			7	ba
32	07138042	PHAN ĐỨC QUÝ	13/06/88			7	ba
33	07138043	NGUYỄN HOÀNG SANG	30/11/89				Vàng
34	07138044	ĐẶNG HỮU SONG	07/03/88			5	năm
35	07138010	NGUYỄN TRỌNG TẤN	14/02/88			8	Tấn
36	07138048	ĐÌNH VĂN THÁI	12/10/86			5	năm



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Vẽ kỹ thuật cơ bản (07114) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07TD (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 12/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi PV400

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07138001	PHẠM DUY AN	19/01/89			6	Sắc
2	07119008	DƯƠNG NGỌC QUỐC ANH	27/10/89			4	Đôi
3	07138002	TRẦN VỸ ANH	07/05/85			6	Sắc
4	07138018	LÊ QUỐC CẢNH	15/12/89			3	Ba
5	07138019	NGUYỄN THANH CẢNH	25/10/88			5	Năm
6	07138003	LÊ HOÀNG CHÂU	26/10/89			5	Năm
7	07138004	TRẦN CÔNG DANH	06/02/89			5	Năm
8	07138020	HUYỀN CÔNG DÂN	01/02/89				Vàng
9	07138021	LÊ ANH DŨNG	02/09/88			2	Hai
10	07138022	NGUYỄN ANH DŨNG	06/06/88			6	Sắc
11	07138005	TRƯƠNG VIỆT ĐỨC	28/02/89			6	Sắc
12	07138024	PHẠM ĐỨC HIỆP	15/08/89			7	Bảy
13	07138025	NGÔ TRÍ HIẾU	20/03/89			5	Năm
14	07138026	NGUYỄN TRÍ HIẾU	22/04/89				Vàng
15	07138027	NGUYỄN THÁI HOÀNG	26/03/89			6	Sắc
16	07138006	NGUYỄN BÁ HÙNG	15/08/84			6	Sắc
17	07138031	NGUYỄN QUỐC KHÁI	20/01/89			8	Tám
18	07138030	TRẦN QUANG KHÁI	10/11/88			7	Bảy
19	07138032	NGUYỄN VĂN THÀNH LINH	26/10/87			7	Bảy
20	07138033	NGUYỄN MINH LONG	18/09/88			5	Năm
21	07138034	LÊ NGỌC MINH LỘC	01/01/89			3	Ba
22	07138035	BÙI VĂN LỢI	03/03/85			5	Năm
23	07138007	NGUYỄN VIỆT LUẬN	19/06/88			6	Sắc
24	07138036	BÙI CÔNG LỰC	26/02/86			3	Ba
25	07138037	KIẾN NGỌC LÝ	20/11/87			5	Năm
26	07138038	ĐÌNH VĂN MINH	08/02/89			5	Năm
27	07138008	LƯƠNG HOÀNG MINH	18/02/89			5	Năm
28	07138009	TRẦN HOÀI NAM	31/05/89			5	Năm
29	07138039	NGUYỄN TUẤN NGUYỄN	07/09/89				Vàng
30	06138037	CAO VĂN PHONG	1 / 87			3	Ba
31	07138040	CÙ NHẬT PHÚ	20/11/90			7	Bảy
32	07138042	PHAN ĐỨC QUÝ	13/06/88			7	Bảy
33	07138043	NGUYỄN HOÀNG SANG	30/11/89				Vàng
34	07138044	ĐĂNG HỮU SONG	07/03/88			5	Năm
35	07138010	NGUYỄN TRỌNG TÂN	14/02/88			8	Tám
36	07138048	ĐÌNH VĂN THÁI	12/10/86			5	Năm

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Vẽ kỹ thuật cơ bản (07114) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07TD (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07138047	PHẠM NGỌC THÁI	10/05/88		<i>Phạm Thái</i>	6	Sáu
38	07138049	PHẠM ĐẠT THÀNH	22/10/88		<i>Phạm Đạt Thành</i>	6	Sáu
39	07138011	VÕ HUY THỊNH	26/09/89		<i>Thịnh</i>	7	Bảy
40	07138050	NGUYỄN ĐĂNG THỌ	07/10/88		<i>Thọ</i>	8	Tám
41	07138051	VŨ KHOA	27/07/89		<i>Vũ Khoa</i>	6	Sáu
42	07138053	TRẦN THỊ THANH THÚY	24/05/89		<i>Thúy</i>	7	Bảy
43	07138054	LÊ VIỆT TIẾN	14/04/89		<i>Tiến</i>	8	Tám
44	07138055	NGUYỄN THỊ HỒNG TRANG	09/12/87		<i>Trang</i>	6	Sáu
45	07138013	LÂM NGUYỄN MINH TRÍ	09/01/89		<i>Minh Trí</i>	6	Sáu
46	07138012	NGUYỄN CAO TRÍ	09/01/89		<i>Trí</i>	7	Bảy
47	07138056	TRẦN VĂN TRỌNG	12/11/88		<i>Trọng</i>	6	Sáu
48	07138057	LÊ XUÂN TRUÔNG	30/09/88		<i>Trương</i>	6	Sáu
49	07138014	NGUYỄN QUỐC TUẤN	24/08/88		<i>Tuấn</i>	7	Bảy
50	07138059	TRƯƠNG ĐỨC TUỆ	11/11/88		<i>Tuệ</i>	4	Bốn
51	07138060	LÊ THANH TÙNG	20/11/88		<i>Tùng</i>	7	Bảy
52	07138061	VŨ THANH TÙNG	31/05/86		<i>Tùng</i>	6	Sáu
53	07138062	LÝ QUANG VIÊN	09/09/89		<i>Viên</i>	6	Sáu
54	07138063	NGUYỄN NGỌC VIỆT	20/11/85		<i>Việt</i>	5	Năm
55	07138065	TRẦN VĂN VIỆT	20/12/89		<i>Việt</i>	8	Tám
56	07138015	ĐẶNG TIẾN VINH	27/08/89		<i>Vinh</i>		Vàng
57	07138066	TRẦN THANH VINH	06/08/89		<i>Vinh</i>	8	Tám
58	07138067	PHẠM ANH VŨ	12/02/88		<i>Anh Vũ</i>	6	Sáu
59	07138068	PHAN TRUNG VŨ	20/05/87		<i>Trung Vũ</i>	5	Năm
60	07138016	NGUYỄN VŨ XUÂN	08/02/89		<i>Xuân</i>	7	Bảy

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 55 Số bài: 55 Sở từ: _____

Ngày 12 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1 Vũ Thị Nga

Cán bộ coi thi 2 Nguyễn Văn Châu

Xác nhận của bộ môn M.S

Cán bộ chấm thi 1 Nguyễn Văn Châu

Cán bộ chấm thi 2 _____

Đỗ Hữu Toàn

Trần Thị Thanh



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Vẽ kỹ thuật cơ bản (07114) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07CC (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 12/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi RD101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ng/Sinh	SốTở	Chữ-Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07119009	ĐỖ THANH BÌNH	18/02/89		Bình	4	bình
2	07119001	LÊ VĂN CƯỜNG	30/12/88		Vang	5	năm
3	07119010	VŨ ĐỨC CƯỜNG	23/10/89			5	năm
4	07119011	NGÔ VĂN DŨNG	20/10/87			5	năm
5	07119002	NGUYỄN VĂN DUY	27/11/89			6	sau
6	07119030	NGUYỄN ĐÔNG	10/01/88			4	bình
7	07119012	DƯƠNG THỊ HỒNG	06/01/89			7	bảy
8	07119014	ĐÀO TRỌNG KHÁNH	23/12/88			5	năm
9	07119016	NGUYỄN THỊ NGỌC LÀI	27/03/89			7	bảy
10	07119017	VŨ THỊ NGỌC LỢI	05/11/89			7	bảy
11	07119018	NGUYỄN HỒNG MINH	15/12/89			5	năm
12	07119019	PHAN TRONG NGHĨA	25/04/89			6	sáu
13	07119020	PHAN VĂN NHẬT	10/05/88			6	sáu
14	07119004	VŨ NGUYỄN QUỲNH OANH	21/02/88			7	bảy
15	07119021	NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG	27/04/88			6	sáu
16	07119022	LÊ MINH TÂM	02/09/88			6	sáu
17	07119023	NGUYỄN CÔNG THÀNH	18/07/89			4	bình
18	07119005	NGUYỄN THỊ THO	10/03/87			6	sáu
19	07119024	NGUYỄN THỊ THƠM	30/09/88			6	sáu
20	07119025	TRẦN THỊ THU	26/10/89			5	năm
21	07119006	NGUYỄN QUANG TRUNG	10/10/88			5	năm
22	07119026	NGUYỄN ANH TUẤN	02/11/89			6	sáu
23	07119027	LÊ THANH TÙNG	02/09/88			5	năm

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.
Số sinh viên dự thi: 22 Số bài: 22 Số tờ: 22

Ngày 12 tháng 6 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2 Nguyễn Thị Hòa

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đỗ Hữu Toàn

Trần Thị Thanh



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Vẽ kỹ thuật cơ bản (07114) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07CK (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 12/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi RD102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	SốTờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07118021	TRẦN VĂN	CHUÔNG	20/03/88		8	Sáu
2	07118022	PHẠM VĂN	DƯƠNG	06/03/89		6	Sáu
3	07118023	LÊ ANH	DƯƠNG	18/01/89		8	Sáu
4	07118002	TRẦN VĂN	GIANG	17/05/84		6	Sáu
5	07118003	ĐỖ ĐÌNH	GIÁP	08/08/87		7	Bảy
6	07118004	ĐÀO VINH	HIẾN	30/10/88		8	Sáu
7	07118005	TRẦN TIẾN	HÙNG	01/01/89		6	Sáu
8	07118006	PHẠM NGỌC	HÙNG	03/01/88		7	Bảy
9	07118007	NGUYỄN NGỌC	KHÁNH	01/09/88		7	Bảy
10	07118025	HOÀNG PHÚC	LỘC	28/08/88		8	Sáu
11	07118008	BÙI HỮU	LỢI	19/06/89		8	Sáu
12	07118009	PHẠM VĂN	LỢI	08/04/89		7	Bảy
13	07118010	NGUYỄN THÀNH	LUẬN	08/11/87		6	Sáu
14	07118026	ĐÀM CẢNH	MỪNG	07/04/88		5	Năm
15	07118027	NGUYỄN VĂN	NGỌC	28/06/87		7	Bảy
16	07118011	NGUYỄN VĂN	NGUYỄN	10/12/89		7	Bảy
17	07118012	LÊ THÀNH	NHÂN	26/03/88		7	Bảy
18	07118013	LÊ MINH	NHẬT	18/09/89		6	Sáu
19	07118014	NGUYỄN CHƯƠNG	PHÚ	07/08/89		6	Sáu
20	07118015	NGUYỄN HOÀI	PHÚ	27/04/88		6	Sáu
21	07118016	NGUYỄN HỮU	PHỤNG	26/02/89		6	Sáu
22	07118017	TRẦN VĂN	THÁI	13/10/89		6	Sáu
23	07118019	LƯU ĐỨC	THẮNG	23/05/88		5	Năm
24	07118020	NGUYỄN VĂN	TOÀN	18/06/85		7	Bảy
25	07118028	NGUYỄN VĂN HOÀNG	TRUNG	07/06/89		8	Sáu
26	07150194	BÙI QUỐC	TUẤN	08/08/88		7	Bảy
27	07118030	TÔ ĐÌNH	VƯỢNG	20/06/87		6	Sáu

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 24 Số bài: _____ Sở tờ: _____

Ngày 12 tháng 06 năm 2008

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Đỗ Hữu Toàn

Trần Thị Thanh



Đại Học Nông Lâm TP.HCM
Phòng Đào Tạo

Mẫu In M9205
Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Học Kỳ 2 - Năm Học 07-08

Môn Học: Vẽ kỹ thuật cơ bản (07114) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07NL (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2
Ngày Thi: 12/06/08 Giờ thi: 14g45 - 90 phút Phòng thi PV335

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số Thẻ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
1	07137015	HUỖNH THẾ	BẢO	12/07/89	<i>huu</i>	6	Sau
2	07137016	PHAN AN	BÌNH	07/05/89	<i>an</i>	4	bên
3	07137017	NGUYỄN NĂNG	CAO	29/05/88	<i>cao</i>	6	Sau
4	07137018	PHẠM TRUNG	CHÁNH	24/05/89	<i>ai</i>	5	năm
5	07137019	PHẠM THỊ LAN	CHI	01/10/89			
6	07137001	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	20/11/88	<i>duy</i>	1	một
7	07137020	THÂN ĐÌNH	DUY	30/07/89	<i>thanh</i>	6	Sau
8	07137021	NGUYỄN KHÁC	ĐÀN	13/02/87	<i>duy</i>	4	bên
9	07137022	TRẦN CÔNG	ĐẠT	02/01/89	<i>tr</i>	5	năm
10	07137023	NGUYỄN TRẦN HẢI	ĐĂNG	16/08/88	<i>th</i>	4	bên
11	07137002	ĐĂNG VĂN	ĐOÀN	27/10/87	<i>dee</i>	2	hai
12	07137026	NGUYỄN VĂN	ĐUỘC	18/07/89	<i>duy</i>	5	năm
13	07137028	HUỖNH NGỌC	HÒA	18/12/89	<i>huu</i>	7	bảy
14	07137004	HÀ THANH	HÙNG	1 / 89	<i>huu</i>	5	năm
15	07137032	ĐOÀN TẤN	HUY	01/09/89	<i>duy</i>	5	năm
16	07137029	TRẦN CAO	HUY	26/10/88	<i>tr</i>	2	hai
17	07137030	TRƯƠNG GIA	HUY	09/09/88	<i>tr</i>	5	năm
18	07137031	TRƯƠNG QUANG	HUY	27/10/89	<i>quy</i>	7	bảy
19	07137033	VÕ MINH	HƯNG	15/10/89	<i>th</i>	6	Sau
20	07137035	MAI VĂN	KHANH	19/05/89	<i>ai</i>	3	ba
21	07137036	ĐƯƠNG ĐỨC	LAC	25/03/89			
22	07137037	NGUYỄN TÙNG	LÂM	09/09/89	<i>lin</i>	6	Sau
23	07137038	TÔ CÔNG	LINH	10/04/88	<i>lin</i>	6	Sau
24	07137039	DƯƠNG VĂN	MANH	18/09/86			
25	07137005	HUỖNH NGỌC	MỸ	22/03/89	<i>huu</i>	3	ba
26	07137041	LÊ THỊ CHI	NA	20/03/89	<i>th</i>	5	năm
27	07137006	TRẦN NGỌC	PHƯỚC	05/04/89	<i>tr</i>	3	ba
28	07137008	NGUYỄN THANH	PHƯƠNG	19/04/87	<i>ph</i>	2	hai
29	07137056	LÊ VĂN	QUANG	29/03/89			
30	07137044	THẠCH NGỌC	SÁNG	10/08/87	<i>th</i>	1	một
31	07137009	NGUYỄN MINH	TÂM	05/06/89	<i>tam</i>	5	năm
32	07137045	TRẦN THANH	TÂM	04/02/88	<i>tr</i>	5	năm
33	07137046	TRẦN VĂN	THÀNH	16/10/88	<i>thanh</i>	3	ba
34	07137048	PHẠM THỊ	THÁNH	22/09/89			
35	07137049	MAI BÀ	THIỆN	04/12/89	<i>mai</i>	4	bốn
36	07137010	NGUYỄN PHƯỚC	THÔNG	1 / 87			

Ngày in: 05/06/08

Danh Sách Sinh Viên Dự Thi

Môn Học: Vẽ kỹ thuật cơ bản (07114) - Số Tín Chỉ: 3
Nhóm Thi: Lớp DH07NL (Nhóm Thi) - Tổ 001 - Đợt 2

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Số tờ	Chữ Ký	Điểm Số	Điểm Chữ
37	07137050	NGUYỄN TRI THỨC	16/02/89				
38	07137011	NGUYỄN THANH TOÀN	23/06/85		<i>Trần</i>	1	một
39	07137013	PHẠM THÀNH TRUNG	15/08/89		<i>Trần</i>	2	hai
40	07137051	NGUYỄN QUANG TÚ	21/02/89		<i>Tú</i>	2	hai
41	07137053	NGUYỄN SƠN TÙNG	08/01/89		<i>Sơn</i>	3	ba
42	07137054	DƯƠNG QUANG VINH	15/09/89		<i>Quang</i>	3	ba
43	07137014	LÊ ĐỨC VŨ	14/12/89		<i>Đức</i>	3	ba
44	07137055	NGUYỄN NGỌC XUÂN	12/05/89		<i>Xuân</i>	5	năm

Cán bộ coi thi không viết thêm tên SV khi chưa có ý kiến của phòng Đào tạo.

Số sinh viên dự thi: 37 Số bài: 37 Số tờ: 37

Ngày tháng năm 200

Cán bộ coi thi 1 *Nguyễn Ngọc Dung*

Cán bộ coi thi 2 *Nguyễn Tấn Đạt*

Xác nhận của bộ môn *Đỗ Hữu Toàn*

Cán bộ chấm thi 1 *Trần Thị Thanh*

Cán bộ chấm thi 2